

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-7-2023.
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Ngọc Huyền.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TLST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2023; Quyển định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 491C/TH, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 590, ấp B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh C vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Chị L và anh C quen biết, yêu nhau có thời gian tìm hiểu, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C thường xuyên uống rượu, bia; tham gia cờ bạc; có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác. Từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Chị L nhiều lần khuyên ngăn, cố gắng dung hòa để giữ mối quan hệ hôn nhân nhưng anh C hoàn toàn không có sửa đổi. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Chị L và anh C đã không còn sống chung từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Quá trình chung sống chị L và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Hoàng Q1, sinh ngày 20/3/2019. Từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay, cháu Q và cháu Q1 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai con chung có sức khỏe về thể chất, tinh thần bình thường và hiện nay hai cháu vẫn phát triển như những đứa trẻ cùng trang lứa.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Về con chung Chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Hoàng Q1. Chị L không yêu cầu anh C có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con hai con chung tên Quyên, Quân cùng chị L. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn là chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và các văn bản tố tụng khác. Nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án. Đồng thời anh C cũng không có mặt tại Tòa án khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án, cũng như tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu L được trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Hoàng Q1, sinh ngày 20/3/2019; Về cấp dưỡng không xem xét; Tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc Chị Nguyễn Thị Thu L xin ly hôn anh Nguyễn Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị L và anh C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn là anh C có địa chỉ cư trú tại 590, ấp B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị L là nguyên đơn, anh C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh C vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh C theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C sống chung như vợ chồng từ năm 2013, nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là nơi đăng ký thường trú của chị L và anh C. Sự việc này do chị L trình bày, anh C không có ý kiến phản bác. Ngoài ra chị L có giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, cụ thể chị L đã cung cấp Công văn số 339/UBND-TPHT, ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp với nội dung xác nhận không tìm thấy tên Chị Nguyễn Thị Thu L đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn C tại xã T; và Công văn số 213/UBND-HC, ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp về việc trả lời chị L và anh C không có tên trong sổ bộ đăng ký kết hôn tại địa phương. Từ đó xác định chị L và anh C sống chung như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã T, huyện L hoặc Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lấp Vò.

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc không đăng ký kết hôn của chị L và anh C đã không tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên không được công nhận là vợ chồng hợp pháp. Sau một thời gian chung sống như vợ chồng chị L và anh C bắt đầu xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Hiện vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Do không còn tình cảm với anh C nên chị L đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn. Anh C không có ý kiến phản bác yêu cầu của chị L.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ ...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này. ”

Từ những nhận định và nội dung các quy định đã nêu đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu L để không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị L và anh C là phù hợp với quy tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Tuy anh C đã được thông báo nội dung lời trình bày của chị L về con chung, nhưng không có ý kiến phản bác nên xác định chị L và anh C có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Hoàng Q1, sinh ngày 20/3/2019, hiện có sức khỏe về thể chất và tinh thần bình thường, đang sống cùng và do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Khi sống chung với chị L cháu Q và cháu Q1 phát triển bình thường cho thấy chị L vẫn đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, anh C không có ý kiến phản đối, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về nuôi con chung. Cụ thể giao cả hai con chung là cháu Q và cháu Q1 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của con chung và đảm bảo được sự ổn định về điều kiện sống của các cháu.

Do chị L không yêu cầu gì về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi các con chung; anh C cũng không có ý kiến gì về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp (cấp dưỡng) nuôi các con chung của chị L và anh C.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 81; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 83; Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Hoàng Q1, sinh ngày 20/3/2019 cho Chị Nguyễn Thị Thu L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Quyên và Quân đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng). Chị L không yêu cầu anh C có nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Quyên và Quân cùng chị L.

Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi không được lạm dụng việc chăm nom gây khó khăn, cản trở việc trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016527 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị L đã nộp đủ án phí).

Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã T, H Lai Vung;
- UBND xã Đ, H Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân